

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo.

Bà Huỳnh Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thái T, sinh năm 1983, căn cước công dân số 074183002312 cấp ngày 27/11/2023; địa chỉ: Tổ 3, khu phố M, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1982, căn cước công dân số 074082012155 cấp ngày 27/12/2021; địa chỉ: Tổ 2, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thái T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thái T và ông Nguyễn Bá Đ đăng ký kết

hôn ngày 18/10/2010 tại Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở nhà ba mẹ chồng và làm ăn tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương chăm sóc nhau nhưng vào 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau; ông Đ không chăm nom, lo lắng cho vợ con; không đồng cảm trong công việc gia đình với bà T. Năm 2013, bà T đã bỏ về nhà ba mẹ ruột để sinh sống và hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt quá trình sống ly thân, ông Đ không liên lạc hỏi thăm vợ con và không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Bà T nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Phan Thái T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Bá Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bá T, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thái Ngọc K, sinh ngày 06/01/2015. Khi ly hôn, bà Phan Thái T yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung; không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Bá Đ đã được Tòa án tổng Đ các văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương) được cung cấp thông tin như sau: Bà Phan Thái T và ông Nguyễn Bá Đ trong quá trình sinh sống tại địa phương Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được đơn thư hay phản ánh của bà T cũng như ông Đ liên quan đến quan hệ hôn nhân, nuôi con chung. Do đó, địa phương không biết giữa vợ chồng ông bà có tên nêu trên mâu thuẫn như thế nào; ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1982, căn cước công dân số 074082012155 cấp ngày 27/12/2021; địa chỉ: Tổ 2, khu phố C, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy

định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thái T được ly hôn với ông Nguyễn Bá Đ; về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Bá T, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thái Ngọc K, sinh ngày 06/01/2015 cho bà Phan Thái T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông Nguyễn Bá Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phan Thái T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Bá Đ và yêu cầu giao quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh và quá trình giải quyết vụ án xác định, ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1982, căn cước công dân số 074082012155 cấp ngày 27/12/2021; địa chỉ: Tổ 2, khu phố C, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thái T và ông Nguyễn Bá Đ chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 18/10/2010. Theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Phan Thái T xác định đời sống hôn nhân giữa bà và chồng là ông Nguyễn Bá Đ không còn hạnh phúc, mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng, thương yêu nhau; ông Đ không chăm nom, lo lắng cho

vợ con, không đồng cảm trong công việc gia đình với bà T. Vợ chồng thường xuyên bất đồng về kinh tế trong gia đình, cách nuôi dạy con. Năm 2013, bà T đã bỏ về nhà ba mẹ ruột để sinh sống và hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Do đó, bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Bá Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đ vẫn không đến Tòa án, cho thấy ông Đ không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Về phía bà T, trong quá trình tố tụng xác định hoàn toàn không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với ông Đ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn nhân của bà T và ông Đ đã không Đ được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bá T, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thái Ngọc K, sinh ngày 06/01/2015. Hiện nay các con chung đang ở cùng bà T. Xét con chung hiện đang do bà T nuôi dưỡng, ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; tại các bản tự khai của các con có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thái T không yêu cầu ông Nguyễn Bá Đ cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thái T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 146, 147, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thái T về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Nguyễn Bá Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thái T được ly hôn với ông Nguyễn Bá Đ.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Bá Thành, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Thái Ngọc Khuê, sinh ngày 06/01/2015 cho bà Phan Thái T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thái T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Bá Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phan Thái T và ông Nguyễn Bá Đ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phan Thái T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031385 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự (2);
- Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ, 8.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Lại

